

Bản án số: 145/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thanh

2. Ông Phạm Thạch Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Hải Đ, sinh năm: 2002; Địa chỉ: Tổ D, ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Trần Hoài P, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Mai Thị Huỳnh G, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03/02/2023, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Hải Đ trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Trần Hoài P kết hôn vào năm 2020, hôn nhân do mai

môi và được cha mẹ cưới gả, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 11/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn nhỏ, đến khoảng cuối năm 2022 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc, ông P có quan hệ ngoài hôn nhân nên vợ chồng thường xuyên bất hòa. Hiện nay bà và ông P không còn sống chung, bà không còn tình cảm với ông P nên yêu cầu được ly hôn với ông P.

- Về con chung: có một con chung tên Trần Hoài K, sinh ngày 04/4/2022 hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà được cha mẹ cho 20 chỉ vàng cưới, loại vàng 24 kara, số vàng này hiện nay mẹ chồng là bà Mai Thị Huỳnh G đang quản lý. Bà yêu cầu bà G giao lại số vàng cho hai vợ chồng bà và chia đôi số vàng, bà yêu cầu được nhận 10 chỉ vàng 24kara.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tại biên bản hòa giải ngày 27/6/2023 bị đơn ông Trần Hoài P trình bày:

- Về hôn nhân: ông thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Hải Đ về thời gian và điều kiện kết hôn cũng như về nguyên nhân mâu thuẫn. Hiện nay ông và bà Hải Đ không còn sống chung, ông cũng không còn tình cảm với bà Hải Đ nên ông đồng ý yêu cầu ly hôn của bà Hải Đ.

- Về con chung: có một con chung tên Trần Hoài K, sinh ngày 04/4/2022 hiện đang do bà Hải Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông đồng ý để bà Hải Đ được quyền nuôi con chung, ông không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: ông xác nhận khi đám cưới cha mẹ có cho vợ chồng 20 chỉ vàng 24kara, hai vợ chồng dùng 10 chỉ vàng để làm vốn xây cất trại và mua giống trồng nấm bào ngư, hiện chỉ còn 10 chỉ vàng 24kara do mẹ của ông là bà Mai Thị Huỳnh G đang quản lý, ông đồng ý nhận lại số vàng này từ mẹ ông và chia đôi số vàng 10 chỉ loại 24kara này.

Ngoài ra trong đám cưới cha mẹ cũng cho một đôi bông tai bằng hột xoàn (kim cương) có giá trị là 27.000.000 đồng, hiện nay đôi bông tai này do bà Hải Đ quản lý, ông yêu cầu chia đôi, ông nhận tiền mặt là 13.500.000 đồng.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tại biên bản hòa giải ngày 27/6/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Huỳnh G trình bày:

Khi đám cưới Lê Thị Hải Đ và Trần Hoài P thì cha mẹ có cho vợ chồng Đ và P 20 chỉ vàng 24kara, sau đó thì vợ chồng P dùng vàng làm ăn và chỉ đưa cho bà 1 chỉ vàng để giữ dùm. Hiện nay bà đang quản lý 10 chỉ vàng này và bà đồng ý giao lại cho P để vợ chồng tự giải quyết tài sản chung với nhau.

* Tại phiên tòa:

- Bà **Lê Thị Hải Đ** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm.
- Ông **Trần Hoài P** rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung đối với đôi bông bằng kim cương vì ông và bà **Hải Đ** đã bán theo giá thị trường và chia đôi tài sản bằng tiền mặt. Ông đã nhận lại 10 chỉ vàng 24kara từ bà **Mai Thị Huỳnh G**.
- Bà **Mai Thị Huỳnh G** trình bày đã trả lại 10 chỉ vàng 24kara cho ông **Trần Hoài P** quản lý, hiện nay bà không còn quản lý tài sản nào của bà **Hải Đ** và ông **P**.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:
 - + Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.
 - + Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân bà **Lê Thị Hải Đ** được quyền ly ông **Trần Hoài P**. Bà **Lê Thị Hải Đ** được quyền nuôi con chung tên **Trần Hoài K**, sinh ngày 04/4/2022, ông **Trần Hoài P** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xác định tài sản chung là 20 chỉ vàng 24 kara, tài sản chung được chia đôi theo quy định pháp luật. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung là đôi bông kim cương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 *Quan hệ tranh chấp:* Tranh chấp giữa bà **Lê Thị Hải Đ** và ông **Trần Hoài P** là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 *Thẩm quyền giải quyết:* Ông **Trần H** phong cư trú tại **ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang**. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 *Về hôn nhân:* bà **Lê Thị Hải Đ** và ông **Trần Hoài P** kết hôn năm 2020, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 11/08/2020 tại **Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh An Giang** nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn bà **Lê Thị Hải Đ** trình bày sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng nhau, ông **Trần Hoài P** có quan hệ ngoài hôn nhân nên vợ chồng luôn bất hòa, không còn hạnh phúc vì vậy bà **Lê Thị Hải Đ** cương quyết ly hôn. Ông **Trần Hoài P** trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có bất đồng nhiều mặt trong cuộc sống, hôn nhân không còn hạnh phúc, hiện nay ông không còn tình cảm với bà **Lê Thị Hải Đ** nên ông đồng ý yêu cầu ly hôn của bà **Lê Thị Hải Đ**. Như vậy hôn nhân của ông bà

đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Hải Đ.

2.2 Về con chung: bà Lê Thị Hải Đ và ông Trần Hoài P có một con chung tên Trần Hoài K, sinh ngày 04/4/2022, hiện cháu Trần Hoài K do bà Lê Thị Hải Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị Hải Đ yêu cầu được nuôi con chung, ông Trần Hoài P đồng ý để bà Lê Thị Hải Đ được quyền nuôi con chung. Xét thấy cháu Trần Hoài K dưới 36 tháng tuổi, bà Lê Thị Hải Đ và ông Trần Hoài P cũng thống nhất để bà Lê Thị Hải Đ được quyền nuôi cháu Trần Hoài K nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Hải Đ được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Hoài K.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Lê Thị Hải Đ không yêu cầu ông Trần Hoài P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Tài sản chung: bà Lê Thị Hải Đ và ông Trần Hoài P đều xác nhận khi đám cưới cha mẹ có cho vợ chồng vàng cưới gồm 20 chỉ vàng 24kara. Bà Lê Thị Hải Đ trình bày vợ chồng bà đã giao 20 chỉ vàng này cho bà Mai Thị Huỳnh G quản lý sau đám cưới. Bà Lê Thị Hải Đ yêu cầu bà G trả lại số vàng này cho bà Lê Thị Hải Đ và ông Trần Hoài P để ông bà chia đôi số vàng cưới, bà Lê Thị Hải Đ yêu cầu được chia 10 chỉ vàng 24kara. Ông Trần Hoài P và bà Mai Thị Huỳnh G trình bày sau đám cưới bà Lê Thị Hải Đ và ông Trần Hoài P đã sử dụng 10 chỉ vàng 24 kara để làm ăn, còn 10 chỉ vàng 24 kara bà Hải Đ và ông Hoài P giao cho bà Mai Thị Huỳnh G quản lý. Quá trình tố tụng tại Tòa án bà Mai Thị Huỳnh G đã trả lại 10 chỉ vàng 24 kara cho ông Trần Hoài P quản lý. Lời trình bày của ông Trần Hoài P và bà Mai Thị Huỳnh G cho rằng đã dùng 10 chỉ vàng 24kara để làm ăn không được bà Lê Thị Hải Đ thừa nhận, ông Trần Hoài P cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì có căn cứ xác định số vàng cha mẹ cho bà Lê Thị Hải Đ và ông Trần Hoài P là 20 chỉ vàng 24 kara và hiện do ông Trần Hoài P quản lý. Hội đồng xét xử nhận thấy số vàng cưới gồm 20 chỉ vàng 24kara được cha mẹ cho trong ngày cưới nên được xác định là tài sản chung của bà Lê Thị Hải Đ và ông Trần Hoài P, bà Lê Thị Hải Đ yêu cầu ly hôn và có yêu cầu chia đôi số vàng cưới này là có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Hải Đ. Tài sản chung được chia đôi, bà Lê Thị Hải Đ và ông Trần Hoài P mỗi người được nhận 10 chỉ vàng 24kara, do ông Trần Hoài P đang quản lý số vàng này nên cần buộc ông Trần Hoài P giao lại cho bà Lê Thị Hải Đ 10 chỉ vàng 24kara.

Đối với yêu cầu của ông Trần Hoài P chia tài sản chung là đôi bông bằng kim cương thì trong quá trình tố tụng ông Trần Hoài P và bà Lê Thị Hải Đ đã thỏa thuận bán theo giá thị trường được 17.000.000 đồng và chia đôi bằng tiền mặt, mỗi người nhận số tiền 8.500.000 đồng nên ông Trần Hoài P rút lại yêu cầu này, việc rút yêu cầu của ông Trần Hoài P là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút.

2.5 Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: bà Lê Thị Hải Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Lê Thị Hải Đ và ông Trần Hoài P phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia theo quy định tại quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là: vàng 24 kara có giá 5.751.000/chỉ (Niêm yết tại W: pnj.com.vn).

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hải Đ.

1. Về hôn nhân: bà Lê Thị Hải Đ được ly hôn ông Trần Hoài P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 11/8/2020 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: bà Lê Thị Hải Đ được quyền nuôi con chung tên Trần Hoài K, sinh ngày 04/4/2022.

Ông Trần Hoài P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về tài sản chung: buộc ông Trần Hoài P giao cho bà Lê Thị Hải Đ 10 chỉ vàng 24kara.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia đôi bông tai bằng kim cương của ông Trần Hoài P.

5. Về án phí sơ thẩm: bà Lê Thị Hải Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 2.875.500 đồng (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm đồng) án phí chia tài sản chung, tổng cộng là 3.175.500 đồng (ba triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm đồng) được khấu trừ vào 1.657.500 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004099 ngày

06/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, bà **Hải Đ** còn phải nộp thêm 1.518.000 đồng (một triệu năm trăm mười tám ngàn đồng).

Ông **Trần Hoài P** phải chịu 2.875.500 đồng (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm đồng) án phí chia tài sản chung, được khấu trừ vào 337.500 đồng (ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004414 ngày 16/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, Ông **Trần Hoài P** còn phải nộp thêm 2.538.000 đồng (hai triệu năm trăm ba mươi tám ngàn đồng).

6. *Quyền kháng cáo*: bà **Lê Thị Hải Đ**, ông **Trần Hoài p** và bà **Mai Thị Huỳnh G** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/10/2023).

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Phúc